

Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi:

... Với học sinh, thách thức của các em cũng vô cùng to lớn. Là thế hệ của thế kỉ 21, các em sẽ phải đối mặt với một thế giới đầy biến động. Trong thế kỉ của mình, các em đang chứng kiến những biến đổi khí hậu bất thường, của nguồn tài nguyên đang cạn kiệt, của môi trường đang ô nhiễm và bị tàn phá ghê gớm. Ngoài ra, những định hướng nghề nghiệp em chọn cho mình trong hôm nay, chưa chắc có thể tồn tại ở ngày mai.

Trong một công trình nghiên cứu của mình, Howard Gardner, cha đẻ của thuyết đa trí tuệ đã từng chỉ ra: đến năm 2030, 47% nghề nghiệp hiện nay sẽ bị biến mất. Nghĩa là có những nghề nghiệp mới ra đời và thay thế nghề nghiệp cũ, em đã chuẩn bị tâm thế cho mình trước sự thay đổi đó chưa?

... Cốt lõi của sự thay đổi là sự dũng cảm của mỗi người. Dũng cảm để thừa nhận, dũng cảm để học hỏi, dũng cảm để tìm giải pháp, cách thức, dũng cảm để đổi đầu.

(...) Các em dũng cảm để đối mặt với việc lười nhác, với việc học tập thụ động. Đối mặt với những thói hư tật xấu của mình và xã hội. Đối mặt với sự vô cảm của mình ngay cả với những người thân yêu nhất. Đối mặt để các em nhận ra mình thiếu tư duy phản biện, một phẩm chất không thể thiếu của công dân thế kỉ 21...

(Trích bài phát biểu của thầy Quý trong Lễ khai giảng)

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt trong đoạn trích trên.

Câu 2 (0.5 điểm): Người viết đã chỉ ra những thách thức nào mà các em học sinh phải đối mặt ở thế kỉ 21?

Câu 3 (1.0 điểm): Trong đoạn văn cuối, tác giả chủ yếu sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó.

Câu 4 (1.0 điểm): Qua phần Đọc hiểu, anh (chị) thấy thông điệp nào ý nghĩa nhất.

PHẦN II. LÀM VĂN (7.0 điểm):

Câu 1. NLXH (2.0 điểm):

Từ nội dung của phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến: *Cốt lõi của sự thay đổi là sự dũng cảm của mỗi con người.*

Câu 2. NLVH (5.0 điểm):

Phân tích 6 câu đầu bài thơ “*Cảnh ngày hè*” – Nguyễn Trãi.

(SGK Ngữ văn 10 – tập 1- NXB GD - 2006)

-----HẾT-----

MA TRẬN ĐỀ THI HỌC KỲ I - MÔN VĂN - KHỐI 10

Mức độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng điểm
Phần I. Độc hiểu	Phong cách ngôn ngữ	Hiểu nội dung chính	Xác định biện pháp nghệ thuật	Bài học cho bản thân	
Số câu: 4 Số điểm: 3 =30%	Số câu: 1 Số điểm: 0,5 = 5%	Số câu: 1 Số điểm: 0,5 =5%	Số câu: 1 Số điểm: 1 = 10%	Số câu: 1 Số điểm: 1 =10%	Số câu: 4 Số điểm: 3 =30%
Phần II. Làm văn 1. NLXH	Xác định đúng dạng đề (đoạn NLXH)	Giải thích khái niệm sự dung cảm	biểu hiện và bình luận	Liên hệ bản thân	
Số câu: 1 Số điểm: 2 =20%	Số điểm: 0,5 = 5%	Số điểm: 0,5 = 5%	Số điểm: 0,5 = 5%	Số điểm: 0,5 = 5%	Số câu: 1 Số điểm: 2 =20%
2. NLVH	Dạng đề: Nghị luận về một đoạn trích thơ	Vẽ đẹp bức tranh thiên nhiên và tâm lòng yêu thiên nhiên, yêu quê hương của tác giả.	Luận điểm rõ ràng, đầy đủ nội dung, nghệ thuật	Viết một bài văn hoàn chỉnh	
Số câu: 1 Số điểm: 5 =50%	Số điểm: 0,5 = 5%	Số điểm: 0,5 = 5%	Số điểm: 2 = 20%	Số điểm: 2 = 20%	Số câu: 1 Số điểm: 5 = 50%
Tổng số câu: 6 Tổng điểm: 10 Tỉ lệ: 100%	Tổng điểm: 1,5 Tỉ lệ: 15%	Tổng điểm: 2 Tỉ lệ: 20%	Tổng điểm: 3 Tỉ lệ: 30%	Tổng điểm: 3,5 Tỉ lệ: 35%	Tổng số câu: 6 Tổng điểm: 10 Tỉ lệ: 100%

ĐÁP ÁN

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm):

Câu	Nội dung	Điểm
1	Phương thức biểu đạt trong đoạn trích: Nghị luận, biểu cảm.	0,5
2	Người viết đã chỉ ra những thách thức mà các em học sinh phải đối mặt ở thế kỉ 21: <i>biến đổi khí hậu, tài nguyên cạn kiệt, môi trường ô nhiễm, thay đổi nghề nghiệp.</i>	0,5
3	- Đoạn văn cuối, tác giả chủ yếu sử dụng biện pháp tu từ: điệp cấu trúc: <i>Đối mặt với</i> + cụm từ chỉ những điều chưa tốt/còn thiếu - Hiệu quả: + Tạo âm hưởng, nhịp điệu giục giã cho câu văn. + Nhấn mạnh sự cần thiết của thái độ dũng cảm đối mặt với những điều chưa tốt của bản thân; nhận ra để sửa đổi, để sẵn sàng đương đầu với những thách thức của thời đại, hướng đến một cuộc sống tốt đẹp, ý nghĩa.	0,5 0,5
4	- HS có thể nêu một trong số thông điệp sau: + <i>Cần chuẩn bị tâm thế để lựa chọn nghề nghiệp, tìm hiểu nghề nghiệp hiện tại và trong tương lai để có lựa chọn đúng.</i> + <i>Cần dũng cảm để thay đổi.</i> + <i>Cần đối mặt với những thách thức trong cuộc sống, không nên lảng tránh, bị động mà cần chủ động linh hoạt.</i>	1,0

PHẦN II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

1.Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng đề nghị luận xã hội và văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu cụ thể:

Câu	Nội dung	Điểm
1	Viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về quan niệm được đưa ra trong văn bản được trích dẫn ở phần Đọc hiểu: <i>Cốt lõi của sự thay đổi là sự dũng cảm của mỗi con người.</i>	
	a) Đảm bảo cấu trúc đoạn nghị luận.	0,25
	b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận. <i>Cốt lõi của sự thay đổi là sự dũng cảm của mỗi con người.</i>	0,25
	c)Triển khai vấn đề nghị luận	

Người ra đề: Nguyễn Thị Oanh, ngày 4/1/2021

	* <i>Giải thích khái niệm dũng cảm</i> : Sẵn sàng đối mặt với khó khăn thử thách.	0,25
	* <i>Biểu hiện của sự dũng cảm</i> : - Dũng cảm để thừa nhận, dũng cảm để học hỏi, dũng cảm để tìm giải pháp, cách thức, dũng cảm để đổi đầu vượt lên hoàn cảnh. - Dám nghĩ dám làm, dám đấu tranh với cái xấu, tiêu cực để tạo nên những thay đổi tốt đẹp hơn. - Có lối sống sống mạnh mẽ, chủ động, tích cực, hết mình.VD.	0,25
	* <i>Bình luận, mở rộng</i> : - Ý nghĩa của sự dũng cảm. - Phê phán lối sống hèn nhát, ỉ lại, yếu đuối.	0,25
	* <i>Liên hệ</i> : Mỗi người cần rèn luyện sự dũng cảm dựa trên sự hiểu biết.	0,25
	d) Sáng tạo. Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...); thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25
	e) Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo đúng chuẩn tiếng Việt.	0,25
	Tổng điểm	2,0

Câu	Nội dung	Điểm
2	Phân tích 6 câu đầu bài thơ “Cảnh ngày hè” – Nguyễn Trãi	
	a) Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận - Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. - Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>Vẻ đẹp khung cảnh ngày hè rực rỡ và tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống của thi nhân.</i>	0,5
	b) Bố cục 1. Mở bài: - Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi là bài số 43 trong chùm thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> của <i>Quốc âm thi tập</i> . - Bài thơ miêu tả vẻ đẹp khung cảnh ngày hè rực rỡ và tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống của thi nhân.	0,5
	2. Thân bài: – <i>Hoàn cảnh sống của Nguyễn Trãi trong những ngày về ở ẩn:</i> + “ <i>Rồi</i> ”: Là một từ cổ có nghĩa là rảnh rỗi, nhàn hạ + “ <i>Ngày trường</i> ”: Ngày dài, chỉ khoảng thời gian rảnh rỗi.	0,5

+ Hóng mát: Hoạt động an nhàn, tĩnh tại, thư thái -> Tâm thế an nhàn, thanh thoi của tác giả. – Khung cảnh ngày hè rực rỡ: + Cây hòe có sức sống mãnh liệt, tán lá xanh che phủ cả khoảng không gian. + Sắc đỏ của cây thạch lựu tô đậm thêm cho khung cảnh ngày hè + Hương hoa sen tỏa ngát bay theo làn gió + NT: Với nhiều động từ: <i>rợp, phun, tiến</i> cùng nhiều từ láy: <i>đùn đùn, lao xao, dăng dỏi</i> và đảo ngữ: <i>lao xao chợ cá, dăng dỏi cầm ve</i> -> Cảnh vật ngày hè tươi tắn, sức sống trỗi dậy tràn đầy, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên của Nguyễn Trãi – Vẻ đẹp bức tranh cuộc sống con người: + Cuộc sống được cảm nhận bằng âm thanh: Âm thanh từ làng chợ cá, của tiếng ve râm ran mỗi độ hè về. + Từ Hán Việt: <i>ngư phủ, cầm ve, tịch dương</i> kết hợp nhuần nhuyễn với những từ thuần Việt tạo nên vẻ đẹp vừa mộc mạc, bình dị, vừa trang trọng tao nhã. + Từ láy: <i>đùn đùn, lao xao, dăng dỏi...</i>-> Cảnh ngày hè xôn xao, náo nức, không khí rất nhộn nhịp ⇒ Cả thiên nhiên và con người đều hiện lên tràn đầy sức sống, tâm hồn lạc quan, yêu đời, tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên, tha thiết với cuộc sống quê nhà của nhà thơ Nguyễn Trãi. 3. Kết bài: Vẻ đẹp tâm hồn thi nhân	0,75 0,25 0,75 0,25 0,5
c) Sáng tạo: Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...); Có dẫn chứng mở rộng, thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc.	0,5
d) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo đúng chuẩn tiếng Việt.	0,5
Tổng điểm	5,0